TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 06 - 2022
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hòa và ông Trần Ngọc Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh NMT; sinh năm 1985;
Nơi cư trú: Khối TT, LM, V, tỉnh Nghệ An. Xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị ĐTO; sinh năm 1991;
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối TT, LM, V, tỉnh Nghệ An. Hiện nay ở Đài Loan (không có địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn NMT như sau:

Anh TH và chị ĐTO tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/07/2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung hạnh phúc. Năm 2013 chị O đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi chị O ra nước ngoài làm việc thì thời gian đầu có liên lạc hỏi thăm nhau, nhưng từ năm 2014 vợ chồng không liên lạc với nhau, hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai, do sống xa nhau đã lâu nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay anh TH nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Vì vậy, anh TH làm đơn ly hôn chị O, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử cho ly hôn.

Về con chung: Anh TH, chị O có 01 người con chung là cháu NMN, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2011. Từ khi chị O đi cho đến nay cháu Nhật do anh TH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn, anh TH đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Anh TH không yêu cầu chị O cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có. Anh TH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Quá trình từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho thân nhân và niêm yết theo quy định, nhưng bị đơn là chị ĐTO vắng mặt, do đó không có ý kiến.

Anh NMT không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay chị O cư trú, anh chỉ biết hiện nay chị O đang sinh sống tại Đài Loan. Tòa án đã T hành gửi văn bản yêu cầu ông ĐXT (là bố đẻ của chị O) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu ông T thông báo với chị O để gửi lời khai về cho Tòa án. Ông T cho biết thời gian ở nước ngoài, chị O thường xuyên liên lạc về với ông qua điện thoại, fecebook ông có hỏi địa chỉ của chị O nhưng do công việc của O không ổn định nên không có địa chỉ cư trú cụ thể, do đó ông không cung cấp được địa chỉ của chị O cho Tòa án. Ông T trình bày đã thông báo cho chị O biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa anh TH và chị O, chị O cũng đồng ý ly hôn anh TH, nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của chị O liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh NMT được ly hôn chị ĐTO. Về con chung: Đề nghị giao con chung là NMN, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2011 cho anh NMT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: anh TH không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh TH chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí: Anh NMT phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí theo quy định của Pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh NMT, bị đơn chị ĐTO có hộ khẩu thường trú tại khối TT, LM, V, tỉnh Nghệ An. Bị đơn chị ĐTO hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài (Đài Loan) nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh NMT có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị ĐTO vắng mặt tại phiên tòa. Theo Công văn số 6089/QLXNC-P5 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì chị ĐTO xuất cảnh ngày 09 tháng 9 năm 2013 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Anh NMT không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị ĐTO. Tòa án đã T hành niêm yết các văn bản tố tụng tại Nhà văn hóa khối Tân T và tại Ủy ban nhân dân phường Lê Mao, tỉnh Nghệ An, là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị O trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản đề nghị ông ĐXT (là bố đẻ của chị ĐTO), địa chỉ: Nhà số 4, ngõ 12, đường Tân T, khối Quang T, phường Hưng Bình, tỉnh Nghệ An, yêu cầu ông cung cấp địa chỉ, tin tức của chị O và thông báo cho chị O biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Ông ĐXT cho biết chị O vẫn gọi điện thoại về để hỏi thăm sức khỏe, ông có hỏi địa chỉ của chị O nhưng chị O cho biết do công việc không ổn định nên cũng không có địa chỉ ổn định, chị O đã được ông thông báo việc anh TH xin ly hôn chị, vụ án đang được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết nhưng chị O không có ý kiến gì. Do đó, ông T không cung cấp được địa chỉ hiện nay của chị O. Việc chị O không cung cấp địa chỉ và không có ý kiến về vụ án thể hiện chị O cố tình dấu địa chỉ. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không T hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án T hành xét xử vắng mặt bị đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An T hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh NMT và chị ĐTO kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/07/2010 tại Uỷ ban nhân dân phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh TH và chị O chung sống với nhau hạnh phúc. Năm 2013, chị O đi lao động ở nước ngoài. Theo anh TH cung cấp thì chị O đi lao động tại Đài Loan. Từ khi khi chị O đi ra nước ngoài đến nay, thời gian đầu vợ chồng liên lạc hỏi thăm nhau, sau đó thì không liên lạc nữa. Vợ chồng sống xa nhau nhưng không quan tâm đến nhau, nay anh TH làm đơn ly hôn. Theo lời khai của ông ĐXT thì chị O đã được ông T thông tin cho biết anh TH làm đơn xin ly hôn với chị, chị cũng đồng ý nhưng không gửi ý kiến về cho Tòa án. Xét tình cảm vợ

chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho anh NMT ly hôn chị ĐTO.

2.2 Về con chung: Anh NMT và chị ĐTO có 01 người con chung là cháu NMN, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2011. Hiện tại chị ĐTO đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ, không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung, anh TH có nguyện vọng giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh TH không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Anh NMT chưa yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh NMT phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 207; Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố dụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh NMT và chị ĐTO được ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung NMN, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2011. cho anh NMT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

2.2. Về cấp dưỡng: Anh NMT không yêu cầu và chị ĐTO chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh TH không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh NMT phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai số 0011840 ngày 08/04/2022.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Anh NMT vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ

5.2. Chị ĐTO đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Lê Mao;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thúy Quỳnh